TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT ANH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2020
V/v ly hôn giữa chị T và anh Bảo A

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT ANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Thanh Vũ
2. Ông Nguyễn Văn Thơm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 13/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kiều T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp TP, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Bảo A, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp TP, xã TH, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/11/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều T trình bày: Chị và anh Bảo A xác lập hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan

điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã bất hòa. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung tên Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 18/4/2012 con đang sống cùng mẹ.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Bảo A được triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng vắng mặt, không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị T.

Tại phiên tòa:

Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Chị yêu cầu được nuôi con không yêu cầu anh Bảo A cấp dưỡng. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Anh Bảo A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Bảo A. Cho chị T và anh Bảo A ly hôn. Con chung đề nghị giao con cho chị T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bảo A là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Bảo A

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị xác lập hôn nhân năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng

hay xảy ra cải vã bất hòa. Chị nhiều lần cố gắng duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Bảo A không còn cơ hội để đoàn tụ nên xin ly hôn. Anh Bảo A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến về việc xin ly hôn và nuôi con chung. Xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh Bảo A đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T và anh Bảo A.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung đang sống cùng chị T. Anh Bảo A không có ý kiến hay tranh chấp quyền nuôi con nên giao con cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh Bảo A cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Điều 17 Luật Phí và lệ phí. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều T đối với anh Nguyễn Văn Bảo A.

Cho chị Trần Thị Kiều T ly hôn với anh Nguyễn Văn Bảo A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thị Huỳnh N, sinh ngày 10/8/2007 và Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 18/4/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Bảo A cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bảo A được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kiều T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 012971 ngày 11/02/2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn